

11 男子部 Bブロック 第1試合						
B1	明中八王子 (東京)	3	-	0	土浦二 (茨城)	B4
1	中間 卓也	3	11 - 2 11 - 8 11 - 5	0	大西 哲司	1
2	池田 貴映	3	5 - 11 11 - 3 11 - 6 11 - 9	1	藤澤 知志	2
D	大村 将広 中間 卓也	3	11 - 9 11 - 5 11 - 7	0	大西 哲司 菊田 裕嗣	D
4	大村 将広		- - - - -		菊田 裕嗣	4
5	横溝 澄音		- - - - -		出口 貴仁	5

12 男子部 Bブロック 第1試合						
B2	甲府商業 (山梨)	2	-	3	佐野 (栃木)	B3
1	半澤 翔太郎	3	11 - 7 11 - 9 11 - 3	0	野辺 隆史	1
2	秋山 大樹	1	11 - 9 5 - 11 9 - 11 4 - 11	3	安藤 弘樹	2
D	半澤 翔太郎 窪田 和也	3	11 - 8 6 - 11 13 - 11 11 - 7	1	上岡 大真 山本 祐公哉	D
4	窪田 和也	0	10 - 12 4 - 11 3 - 11	3	上岡 大真	4
5	深澤 祐也	0	4 - 11 5 - 11 8 - 11	3	上岡 史拓	5

13 男子部 Bブロック 第2試合						
B1	明中八王子 (東京)	3	-	0	佐野 (栃木)	B3
1	中間 卓也	3	11 - 9 11 - 4 11 - 3	0	野辺 隆史	1
2	池田 貴映	3	11 - 3 11 - 11 8 - 2 11 - 6	0	安藤 弘樹	2
D	大村 将広 中間 卓也	3	11 - 7 11 - 4 7 - 11 11 - 2	1	上岡 大真 山本 祐公哉	D
4	横溝 澄音		- - - - -		上岡 大真	4
5	大村 将広		- - - - -		上岡 史拓	5

14 男子部 Bブロック 第2試合						
B2	甲府商業 (山梨)	3	-	0	土浦二 (茨城)	B4
1	半澤 翔太郎	3	13 - 11 11 - 9 11 - 6	0	藤澤 知志	1
2	秋山 大樹	3	11 - 6 11 - 7 10 - 12 11 - 7	1	大西 哲司	2
D	半澤 翔太郎 窪田 和也	3	14 - 16 11 - 5 11 - 7 12 - 10	1	大西 哲司 菊田 裕嗣	D
4	窪田 和也		- - - - -		菊田 裕嗣	4
5	深澤 超		- - - - -		出口 貴仁	5

15 男子部 Bブロック 第3試合											
B1	明中八王子 (東京)	3 - 1		甲府商業 (山梨)	B2						
1	中間 卓也	2	<table border="1"> <tr><td>5 - 11</td></tr> <tr><td>14 - 12</td></tr> <tr><td>7 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>6 - 11</td></tr> </table>	5 - 11	14 - 12	7 - 11	11 - 7	6 - 11	3	半澤 翔太郎	1
5 - 11											
14 - 12											
7 - 11											
11 - 7											
6 - 11											
2	横溝 澄音	3	<table border="1"> <tr><td>9 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>11 - 3</td></tr> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	9 - 11	11 - 6	11 - 3	11 - 7	-	1	秋山 大樹	2
9 - 11											
11 - 6											
11 - 3											
11 - 7											
-											
D	大村 将広 中間 卓也	3	<table border="1"> <tr><td>11 - 5</td></tr> <tr><td>11 - 3</td></tr> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	11 - 5	11 - 3	11 - 9	-	-	0	半澤 翔太郎 窪田 和也	D
11 - 5											
11 - 3											
11 - 9											
-											
-											
4	池田 貴映	3	<table border="1"> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>12 - 10</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	11 - 8	11 - 7	12 - 10	-	-	0	深澤 超	4
11 - 8											
11 - 7											
12 - 10											
-											
-											
5	大村 将広		<table border="1"> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	-	-	-	-	-		窪田 和也	5
-											
-											
-											
-											
-											

16 男子部 Bブロック 第3試合											
B3	佐野 (栃木)	3 - 2		土浦二 (茨城)	B4						
1	野辺 隆史	2	<table border="1"> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>7 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>4 - 11</td></tr> </table>	11 - 6	8 - 11	7 - 11	11 - 9	4 - 11	3	菊田 裕嗣	1
11 - 6											
8 - 11											
7 - 11											
11 - 9											
4 - 11											
2	安藤 弘樹	3	<table border="1"> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>15 - 13</td></tr> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	11 - 6	15 - 13	11 - 8	-	-	0	藤澤 知志	2
11 - 6											
15 - 13											
11 - 8											
-											
-											
D	上岡 大真 山本 祐公哉	1	<table border="1"> <tr><td>9 - 11</td></tr> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	9 - 11	8 - 11	11 - 9	8 - 11	-	3	大西 哲司 菊田 裕嗣	D
9 - 11											
8 - 11											
11 - 9											
8 - 11											
-											
4	上岡 大真	3	<table border="1"> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>11 - 3</td></tr> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	8 - 11	11 - 7	11 - 3	11 - 8	-	1	大西 哲司	4
8 - 11											
11 - 7											
11 - 3											
11 - 8											
-											
5	上岡 史拓	3	<table border="1"> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table>	11 - 9	11 - 6	11 - 9	-	-	0	出口 貴仁	5
11 - 9											
11 - 6											
11 - 9											
-											
-											